

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 147, khoản 1 Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 87, khoản 1 Điều 275, Điều 280, Điều 295; Điều 317, Điều 326; khoản 1 Điều 351, khoản 2 Điều 357, Điều 401, khoản 1 Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015; Điểm b khoản 1 Điều 175 của Luật đất đai 2013.

Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng 2010 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29/5/2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 12/3/2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 29/5/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q (Viết tắt Ngân hàng MB).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Lê Văn L, phường Tr, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Trung Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Pháp nhân đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản

- Ngân hàng TMCP Q.

Địa chỉ: Tầng 8, số 3 L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hà Anh D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Mạnh Q - Giám đốc vùng Miền Bắc - Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản - Ngân hàng MB.

Địa chỉ: Tầng 7, số 3 L, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Phí Thị Thu H - Chuyên viên xử lý nợ - Công ty MBAMC.

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần Gạch Tuynel F - Đ, nay Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản FLC,

Địa chỉ trụ sở: Thôn Ch, xã Tr, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Văn Th - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Đức T - Tổng Giám đốc công ty. (Theo Giấy ủy quyền số: 28.5/2024/FLC GAB ngày 28/5/2024).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tiền nợ gốc và lãi: Các bên thống nhất thỏa thuận. Tính đến ngày lập biên bản hòa giải thành, Công ty cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F, mà người đại diện theo pháp luật của Công ty, còn nợ Ngân hàng TMCP Quân đội, số tiền nợ gốc quá hạn là: 8.482.495.890 đồng; tiền nợ lãi quá hạn trên nợ gốc: 2.543.476.924 đồng. Tổng cộng: 11.025.972.814 đồng (*Mười một tỷ, không trăm hai mươi lăm triệu, chín trăm bảy mươi hai nghìn, tám trăm mười bốn đồng*).

Về thời gian và phương thức trả nợ: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày 29/5/2024 đến hết ngày 30/6/2024, Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F, mà người đại diện theo pháp luật của Công ty, có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho Ngân hàng MB. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F, còn phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết tiền nợ gốc.

Về xử lý tài sản bảo đảm: Các bên thống nhất, thỏa thuận, trong trường hợp bên vay không trả được nợ như đã cam kết trên thì Ngân hàng MB có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên phát mại tài sản bảo đảm, bao gồm: Toàn bộ tên chủng loại máy móc thiết bị hiện có, theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 109864.17.770.3089259.BĐ ngày 01/06/2017; Tài sản là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 16201.17.770.3089259.BĐ ngày 18/08/2017; Tài sản là máy móc, thiết bị theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 2707.17.770.3089259.BĐ ngày 08/2/2017. Tài sản gắn liền với đất gồm: Trạm biến áp, các hạng mục công trình xây dựng trong phạm vi khuôn viên quyền sử dụng đất được giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư khai khoáng và Quản lý tài sản F, tại thửa đất số: 482, tờ bản đồ số 18, bản đồ địa chính xã Ch, huyện H, diện tích sử dụng 11.8510.0 m² (hiện nay là xã Tr), thuộc đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, có thời hạn sử dụng đất, được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 326902, vào sổ cấp giấy chứng nhận CT.05514, do UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05/5/2017. Tài sản bảo đảm theo các Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai được Công chứng số 4259, quyền số 02/2017/TP/- CC/SCC - HĐGD ngày

01/6/2017 và được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai - Sở TN&MT Thanh Hóa, ngày 01/6/2017,

(khuôn viên thửa đất, vị trí công trình xây dựng có sơ đồ đo vẽ kèm theo),

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mãi tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu không đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty cổ phần đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F, người đại diện theo pháp luật phải tiếp tục có trách nhiệm trả nợ cho đến khi hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Q, nếu số tiền còn dư từ việc xử lý tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ thì sẽ trả lại cho chủ sở hữu tài sản bảo đảm.

Về án phí dân sự có giá ngạch: Các bên thống nhất, thỏa thuận; Công ty cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F, mà người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu án phí dân sự là 59.512.986đ (*Năm mươi chín triệu năm trăm mười hai nghìn chín trăm tám mươi sáu đồng*). Trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Q là 59.391.000đ theo biên lai thu số 0003205 ngày 11/3/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

Về nghĩa vụ chịu tiền chi phí tố tụng: Căn cứ Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Công ty cổ phần Đầu tư khai khoáng & Quản lý tài sản F phải hoàn trả lại toàn bộ chi phí tố tụng gồm; chi phí đo đạc và chi phí thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm cho Ngân hàng TMCP Q. Số tiền hoàn trả là 32.500.000 đồng (*Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*), trường hợp chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất chậm trả lãi theo khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Nghi